

Số: 14/2026/QĐST - HNGĐ

Lào Cai, ngày 10 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 174, 175, 176, 186, 246 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 59, 62, 66 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 101, 166, 167, 168, 170, 188 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 183/2025/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà Thào Thị C, sinh năm 1975; Số ĐDCN/CCCD: 015175008324; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã P, tỉnh Lào Cai

1.2. Bị đơn: Anh Giàng A K, sinh năm 1992; Số ĐDCN/CCCD: 015092001857; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã P, tỉnh Lào Cai Là con đẻ và thuộc hàng thứ kế như nhất của ông Giàng A C1 (Ông C1 đã chết và là chồng của bà Thào Thị C2 đã ly hôn).

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Giàng A C2 sinh năm 1987; Số ĐDCN/CCCD: 015087010698 và Anh Giàng A S, sinh năm 1996; Số ĐDCN/CCCD: 015096001207. Cùng địa chỉ: Thôn L, xã P, tỉnh Lào Cai Là con đẻ và thuộc hàng thứ kế như nhất của ông Giàng A C1 (Ông C1 đã chết và là chồng của bà Thào Thị C2 đã ly hôn).

- Chị Giàng Thị M năm 1991; ĐDCN/CCCD: 015191002467; Địa chỉ: Thôn

H, xã P, tỉnh Lào Cai Là con đẻ và thuộc hàng thứ kế như nhất của ông Giàng A C1 (Ông C1 đã chết và là chồng của bà Thào Thị C2 đã ly hôn).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tài sản:

Tài sản của Ông Giàng A C1 và bà Thào Thị C3 phân chia gồm: 01 mảnh đất vườn tạp có tổng diện tích là 166,0m²; Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trên đất có 02 ngôi nhà bằng sắt. Địa chỉ: Thôn L, xã P, tỉnh Lào Cai. Nay các đương sự thống nhất chia như sau:

- Nguyên đơn bà Thào Thị C3 sở hữu, sử dụng những tài sản gồm:

Một phần đất vườn tạp có diện tích là 77,1 m²; trên đất có 01 ngôi nhà sắt được ngăn thành 02 phòng trọ, mái lợp Firo xi măng, nền xi măng và có công trình phụ làm bằng khung gỗ lợp mái Firo xi măng; Địa chỉ: Thôn L, xã P, tỉnh Lào Cai; Được thể hiện chi tiết tại các điểm nối từ 2-3-4-5-2 trong sơ đồ trích đo; Hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Có chiều dài cạnh thửa và tọa độ góc như sau:

Tọa độ đỉnh			Kích thước (m)
Đỉnh	X(m)	Y(m)	
1	439736.04	2408135.23	5,6 4,7 17,1 4,8 5,6 16,3
2	439740.06	2408131.59	
3	439743.60	2408128.50	
4	439728.82	2408119.87	
5	439725.48	2408123.32	
6	439721.80	2408127.02	
2	439736.04	2408135.23	

- + Phía Bắc giáp đất nhà ông HN nhà C3 có chiều dài là 4,7m;
- + Phía Đông giáp đất nhà ông HA L chiều dài là 17,1m;
- + Phía Nam giáp đường bê tông từ Q 32c đi thôn L chiều dài là 4,8m;
- + Phía Tây giáp đất của những người thừa kế của ông Giàng A C1 có chiều dài là 16,7m.

(Có sơ đồ đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực M tỉnh Lào Cai đề ngày 28/01/2026 kèm theo).

- Bị đơn anh Giàng A K1 những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Giàng A C2 anh Giàng A Schị G được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản

gồm:

Một phần đất vườn tạp có diện tích là 88,9 m²; Trên đất có 01 (Một) nhà sắt được ngăn thành 03 phòng trọ, mái lợp Firo xi măng, nền xi măng; Địa chỉ: Thôn L, xã P, tỉnh Lào Cai; Được thể hiện chi tiết tại các điểm nối từ 1-2-5-6-1 trong sơ đồ trích đo; Hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Có chiều dài cạnh thửa và tọa độ góc như sau:

Tọa độ đỉnh			Kích thước (m)
Đỉnh	X(m)	Y(m)	
1	439736.04	2408135.23	5,6 4,7 17,1 4,8 5,6 16,3
2	439740.06	2408131.59	
3	439743.60	2408128.50	
4	439728.82	2408119.87	
5	439725.48	2408123.32	
6	439721.80	2408127.02	
2	439736.04	2408135.23	

- + Phía Bắc giáp đất nhà ông HNhà C3 có chiều dài là 5,6 m;
- + Phía Đông giáp đất nhà bà Thào Thị C4 chiều dài là 16,7 m;
- + Phía Nam giáp đường bê tông từ Q 32c đi thôn L chiều dài là 5,6 m;
- + Phía Tây giáp đất của ông Trần Duy N chiều dài là 16,3m.

(Có sơ đồ đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực M tỉnh Lào Cai đề ngày 28/01/2026 kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2.2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Các đương sự đều là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đất): Nguyên đơn nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng và đã nộp đủ, nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKS nhân dân KV 4 – Lào Cai;
- Phòng THADS KV 4 – Lào Cai;
- UBND xã Púng Luông, tỉnh Lào Cai.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lý A Hờ